

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;
2. Ông Trần Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị V, sinh năm 1964; cư trú tại: Tổ 09, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959; cư trú tại: Tổ 09, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983, không đăng ký kết hôn. Ngày 30/12/2002, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Ông bà phát sinh mâu thuẫn

trầm trọng từ năm 2014 đến nay. Nguyên nhân do ông T ham mê đánh bạc, thường xuyên uống rượu, mắng chửi, xúc phạm danh dự và có hành vi đánh đập, bạo hành đối với bà nên mấy năm nay ông bà không còn sinh hoạt chung với nhau, bà thường đến nhà chị em họ hàng gần nhà để ở nhờ. Bản thân ông bà và gia đình, địa phương đã hòa giải mâu thuẫn trên nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Bà vẫn chăm sóc cuộc sống, chăm lo ăn uống sinh hoạt cho ông T hàng ngày. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Ông bà có 03 người con tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/8/1984, Nguyễn Minh C, sinh ngày 23/6/1986 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 16/11/1988. Anh C, anh T2 đã thành niên, đủ khả năng lao động, bà không yêu cầu giải quyết. Anh Nguyễn Minh T1 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 20/01/2021 và giao cho ông T là người giám hộ. Bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc anh T1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thừa nhận những lời trình bày của bà V về thời gian chung sống, kết hôn là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn bà V trình bày không đúng, ông thừa nhận bản thân có đánh bài nhưng không có hành vi đánh đập, mắng chửi, xúc phạm bà V. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà không ngủ chung với nhau mà bà V thường xuyên ngủ ngoài võng. Ông có góp ý thì bà V bỏ nhà đi từ sáng đến tối hoặc đi qua đêm. Ông không biết bà V đi đâu, làm gì và với ai. Ông thừa nhận vợ chồng có cãi nhau, bị bà V đánh nên ông có dùng xoong đập đầu bà V. Ông không dùng cây, gậy để đuổi đánh như lời bà V trình bày. Nay ông không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ với bà V để cùng chăm sóc cháu và nuôi dưỡng người con bị mất năng lực hành vi.

- Về con chung: Ông thừa nhận những lời trình bày của bà V về họ tên, ngày/tháng/năm sinh của 03 người con chung là đúng. Anh C và anh T2 đã thành niên, đủ khả năng lao động, ông không yêu cầu giải quyết. Anh T1 đang bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự và ông là người giám hộ đối với anh T1. Ông yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc anh T1, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa: bà Phạm Thị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu ly hôn với ông T; về con chung: bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng anh T1,

không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu giải quyết. Ông T không đồng ý ly hôn với bà V; về con chung: ông đồng ý giao anh T1 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị V với ông Nguyễn Văn T;

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao anh Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/8/1984 cho bà V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị V và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 30/12/2002. Bà V, ông T có đủ điều kiện kết hôn, thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T là đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ bà V yêu cầu ly hôn với ông T lý do ông T thường xuyên sử dụng rượu bia, mắng

chửi, xúc phạm danh dự và đuổi đánh bà. Lời trình bày của bà V phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng thể hiện: Quá trình chung sống, ông T thường xuyên sử dụng rượu bia, mắng chửi và có hành vi bạo lực với bà V. Mâu thuẫn giữa bà V và ông T đã kéo dài nhiều năm, địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Xét thấy ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông T.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Minh C, sinh ngày 23/6/1986 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 16/11/1988 đã thành niên, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/8/1984 bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên. Quá trình giải quyết vụ án, bà V và ông T thỏa thuận giao anh T1 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà V và ông T thỏa thuận giao anh T1 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của người làm chứng thể hiện: Anh T1 không có khả năng lao động, nuôi sống bản thân. Ông T thường xuyên sử dụng rượu bia, hàng ngày bà V là người trực tiếp trông nom và chăm sóc anh T1. Xét thấy ông T, bà V thỏa thuận giao anh T1 cho bà V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi và phù hợp với lợi ích của con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị V và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Phạm Thị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V đối với ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị V và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: 02 người con chung tên Nguyễn Minh C, sinh ngày 23/6/1986 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 16/11/1988 đã thành niên; ông T và bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao anh Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/8/1984 cho bà V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; bà Phạm Thị V cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Ông T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị V và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà V đã nộp theo biên lai thu số 0003743 ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; bà V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Thạnh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Hải